

Số: /QĐ-BDT

Quảng Trị, ngày tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai Dự toán chi NSNN năm 2025 của
Ban Dân tộc tỉnh Quảng Trị

TRƯỞNG BAN DÂN TỘC TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 01/3/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 2984/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các Sở, Ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh;

Căn cứ Công văn số 3662/STC-TCHCSN ngày 24/12/2024 của Sở Tài chính về việc Thông báo dự toán chi NSNN năm 2025 của Ban Dân tộc;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ban Dân tộc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai Dự toán chi NSNN năm 2025 của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Trị (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chuyên môn, công chức và người lao động Ban Dân tộc và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Ban;
- Niêm yết tại Văn phòng Ban;
- Trang thông tin điện tử Ban;
- Lưu :VT, VP.

TRƯỞNG BAN

Hồ Thị Lệ Hà

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDT, ngày /01/2025 của Ban Dân tộc)

DVT: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.200.000.000
I	Chi quản lý hành chính	6.200.000.000
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.086.000.000
	Chi cho con người	4.647.000.000
	Chi công việc (định mức chi thường xuyên theo Nghị quyết số 152/2021/NQ-HĐND)	439.000.000
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Nguồn 12)	837.000.000
	Kinh phí Chi con người (hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP)	313.000.000
	Kinh phí chi công việc theo định mức (hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP)	39.000.000
	Kinh phí thực hiện chính sách người uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (theo Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg; theo Văn bản số 1494/UBND-KT ngày 28/3/2024 của UBND tỉnh)	184.000.000
	Kinh phí xây dựng kế hoạch tiếp nhận số liệu, quản lý, khai thác, sử dụng và công bố công khai kết quả điều tra 53 dân tộc thiểu số theo Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 28/6/2024	27.000.000
	Duy trì hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc	23.000.000
	Kinh phí trang phục thanh tra	15.000.000
	Kinh phí hỗ trợ điện, nước, vật tư khác nhà đón tiếp đồng bào dân tộc thiểu số	27.000.000
	Hoạt động công tác đặc thù địa bàn miền núi	49.000.000
	Kinh phí mua sắm, sửa chữa trang thiết bị, tài sản	160.000.000
3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Nguồn 18)	277.000.000
	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	277.000.000